TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2023/HNGĐ - ST Ngày 12-6-2023 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Dệt

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST - HNGĐ ngày 24/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1987

ĐKHKTT: Thôn Đ, xã M, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Tiểu khu 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn*: Anh Lê Long V, sinh năm 1986

ĐKHKTT: Thôn Đ, xã M, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị N, vắng mặt anh V (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 13/02/2023, bản tự khai ngày 28/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Long V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07/7/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V nay là Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, xảy ra nhiều cải vã và xung đột trong gia đình. Vợ chồng không có tiếng nói chung để xây dựng gia đình hạnh phúc. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến ngày 09 tháng 7 năm 2019 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, không thể hòa giải được nên chị đã đem con về nhà ngoại tại thị trấn V, huyện H, tỉnh Thanh Hóa để ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về đoàn tụ với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Long V.

- Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung là Lê Hoàng Ngân H1, sinh ngày 01/3/2016. Hiện nay con đang ở với chị. Chị làm công nhân, thu nhập trung bình mỗi tháng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ. Chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi con còn anh V bị tai nạn, chấn thương sọ não, không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Nguyện vọng của chị khi ly hôn xin được nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Long V. Về con chung: Chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Lê Long V:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thực hiện tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập nhưng trong thời hạn quy định anh V không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

** Tòa án nhân dân huyện Nông Cống tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ. Tại bản tự khai ngày 06/4/2023 bị đơn anh Lê Long V trình bày:* Anh và chị Hoàng Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị N làm đơn xin ly hôn với anh, anh xin được đoàn tụ. Nếu chị N cương quyết ly hôn thì tùy chị N.

- Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Lê Hoàng Ngân H1, sinh ngày 01/3/2016. Hiện nay con đang ở với chị N. Nếu vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản xác minh ngày 06/4/2023 về tình trạng hôn nhân và con chung giữa chị Hoàng Thị N và anh Lê Long V, kết quả xác minh tại địa phương như sau:* Anh Lê Long V và chị Hoàng Thị N kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2016 tại thôn P, xã M, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Trước đó

anh V đã có vợ và đã ly hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn gia đình, chị N bỏ nhà đi khoảng 3 - 4 năm nay. Hiện nay anh V ở một mình tại thôn P, xã M, bố mẹ anh V đều đã chết, anh chị em ruột mỗi người ở mỗi nơi. Bản thân anh V bị tai nạn khoảng 10 năm nay nhưng không được hưởng chế độ gì từ Nhà nước. Anh V lao động tự do, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định. Về con chung: Anh V và chị N có 1 con chung. Hiện nay con đang ở với chị N.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị N và anh V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V nay là Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 7/7/2016, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị N được ly hôn anh V.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị N và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Lê Long V có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã M, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Hoàng Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Anh Lê Long V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh V là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Lê Long V dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên xảy ra cãi nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và sống ly thân. Tại phiên tòa chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ quan điểm ly hôn. Về phía anh V không đồng ý ly hôn, xin được đoàn tụ nhưng Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh V vẫn không đến. Điều đó chứng tỏ anh V đã bỏ mặc, không muốn níu kéo để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh V là phù hợp với thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh V có 01 con chung là Lê Hoàng Ngân H1, sinh ngày 01/3/2016. Hiện nay con đang ở với chị N. Khi ly hôn chị N và anh V đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con của chị N và anh V là chính đáng, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con phát triển và học tập. Xét về điều kiện, hoàn cảnh kinh tế anh V hiện nay khó khăn, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định. Bản thân anh V bị tai nạn chấn thương sọ não 10 năm nay, hiện anh V ở một mình, bố mẹ đều đã chết, anh chị em ruột mỗi người ở mỗi nơi. Chị N đang ở tại nhà của bố mẹ đẻ, có việc làm và có thu nhập. Ông bà ngoại có điều kiện hỗ trợ chị N chăm sóc và đưa đón cháu đi học. Cháu Lê

Hoàng Ngân H1 cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Như vậy, hiện tại điều kiện của chị N thuận lợi hơn điều kiện của anh V nên giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng, chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không buộc anh V nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Lê Long V.

2. Về con chung: Giao chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hoàng Ngân H1, sinh ngày 01/3/2016. Chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Long V có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2021/0007201 ngày 20/02/2023. Chấp nhận chị N đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND thị trấn H;
- Lưu hs, vp.

(đã ký)

Trịnh Thị Hà